

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NG, CA;
- Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN;
- Liên hiệp các tổ chức HN VN;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ KHTC (Thu).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 8945/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này là các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam *(sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP)*.

3. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP; Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước *(sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2022/TT-BTC)* và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức *(sau đây gọi tắt là viện trợ)* thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.



Điều 3. Mục tiêu của việc quản lý, sử dụng viện trợ

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng viện trợ theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với Bên cung cấp viện trợ.
2. Giám sát, đánh giá nhằm phát hiện và xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc, vi phạm trong quá trình quản lý, sử dụng viện trợ; đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiến độ thực hiện các khoản viện trợ phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, sử dụng viện trợ trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các đơn vị thực hiện.
2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Các nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 3, Chương I, Thông tư số 23/2022/TT- BTC. Các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức dành cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đều thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.
4. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Phương thức và lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ

1. Các phương thức viện trợ bao gồm: chương trình, dự án, phi dự án.
2. Lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ:
 - a) Lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ phù hợp với định hướng ưu tiên vận động viện trợ quy định tại Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025 (Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 17/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ), bao gồm: Hỗ trợ đào tạo giáo viên các cấp, ưu tiên giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, giáo viên dạy trẻ khuyết tật; Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục: hỗ trợ xây dựng trường học và cải

thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục các cấp, xây dựng hệ thống các trường dân tộc nội trú, hệ thống nhà nội trú, bán trú, phát triển hệ thống thư viện phù hợp với yêu cầu của từng cấp; Trao đổi giáo dục, hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, cung cấp giáo viên tình nguyện các chuyên ngành cho các trường đào tạo chuyên sâu, các trường phổ thông; Cấp học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt học sinh dân tộc thiểu số, học bổng đào tạo trong và ngoài nước; Hỗ trợ đào tạo công nghệ thông tin cho các trường phổ thông, nhất là ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số; Hỗ trợ xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, hỗ trợ tăng cường hệ thống kiểm định, đánh giá chất lượng, cung cấp học bổng, tăng cường hoạt động trao đổi, liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tăng cường gắn kết giữa đào tạo và thực hành, giữa nhà trường và doanh nghiệp...

b) Lĩnh vực quản trị đại học và quốc tế hóa giáo dục Đại học.

c) Lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ đảm bảo phù hợp nhu cầu, định hướng phát triển của ngành, của đơn vị theo giai đoạn.

Chương II

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Hồ sơ khoản viện trợ

Hồ sơ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ; Thông báo kết quả phê duyệt viện trợ

1. Vụ Cơ sở vật chất (đối với các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị trường học), Vụ Kế hoạch - Tài chính (đối với các khoản viện trợ còn lại) là đơn vị chủ trì thẩm định các khoản viện trợ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt theo quy định. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Công văn số 682/BGDĐT-KHTC ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo về quyết định phê duyệt khoản viện

trợ cho các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 10. Tổ chức quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở quyết định tiếp nhận viện trợ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án đại diện cho Chủ dự án, Ban Quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Đối với dự án có cấu phần xây dựng thì việc thực hiện quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng và chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định về pháp luật xây dựng liên quan.

Điều 11. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Kế hoạch thu chi ngân sách nhà nước, kế hoạch tài chính vốn viện trợ và dự toán vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 tại Mục I, Chương II, Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

3. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu, ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước và theo quy định từ khoản 2 đến khoản 8 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Tiếp nhận hàng viện trợ nhập khẩu từ nước ngoài được thực hiện theo Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Quản lý thuế. Đối với trường hợp tiếp nhận viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, sau khi giao

nhận hàng hóa, Chủ dự án lập hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước để ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Quản lý vốn đối ứng:

a) Các chương trình, dự án được bố trí vốn đối ứng: đối với dự án viện trợ mà Bên cung cấp viện trợ có yêu cầu bố trí vốn đối ứng, Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nguồn vốn đối ứng trong hồ sơ chương trình, dự án. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chương trình, dự án trong đó quy định cụ thể về bố trí vốn đối ứng của dự án.

b) Nguồn vốn đối ứng bao gồm: Ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Quản lý tài sản của khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ bàn giao quyền sở hữu đối với các tài sản, trang thiết bị của chương trình, dự án cho chủ khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ thực hiện việc xác lập sở hữu tài sản theo quy định hiện hành. Trong trường hợp có thỏa thuận khác với Bên cung cấp viện trợ, chủ dự án lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

7. Sau khi kết thúc dự án, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Bộ Giáo dục và Đào tạo (05 bộ) trong vòng 06 tháng kể từ khi kết thúc khoản viện trợ.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ là đơn vị được giao trách nhiệm quản lý, thực hiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ. Chủ khoản viện trợ được gọi là “Chủ dự án” trong trường hợp khoản viện trợ thực hiện theo phương thức chương trình, dự án.

2. Chủ khoản viện trợ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án

1. Đại diện cho chủ dự án, chịu trách nhiệm trước chủ dự án, cơ quan chủ quản và trước pháp luật về các quyết định của mình.

2. Ban quản lý dự án phải mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

3. Ban quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ trong khuôn khổ dự án theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ Kế hoạch - Tài chính

1. Chủ trì soạn thảo, trình ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ (không bao gồm các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị trường học) thuộc thẩm quyền; hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi lấy ý kiến các bộ, ngành có liên quan. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thẩm định.
3. Chủ trì phối hợp với các chủ khoản viện trợ và các đơn vị liên quan tham mưu Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ; kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ.
4. Tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ.
5. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ cho chi thường xuyên và chi đầu tư công.
6. Thẩm định quyết toán thu, chi vốn viện trợ hằng năm.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ Cơ sở vật chất

1. Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị trường học, sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc thẩm quyền; hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi lấy ý kiến các bộ, ngành có liên quan. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thẩm định.
2. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai các khoản viện trợ sử dụng cho chi đầu tư công.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Cục, Vụ và các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Tham gia thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ.
2. Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ thuộc lĩnh vực phụ trách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

3. Tích cực vận động, tìm kiếm đối tác viện trợ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Các đơn vị được giao chủ trì trong Quy chế này căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định./.

